

Xóa đói giảm nghèo ở vùng Bắc Trung Bộ

THANH HÙNG *

BA tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh (gọi tắt là Thanh - Nghệ - Tĩnh) đất rộng, người đông, tiềm năng đất đai, rừng, biển phong phú, nhưng nhiều năm về trước đều là những tỉnh nghèo do khí hậu khắc nghiệt, thiên tai thường xảy ra. Tình trạng thiếu đói lúc giáp hạt xảy ra thường xuyên, nhất là đối với các hộ nghèo ở nông thôn. Nhớ lại năm 1988, do lũ lụt có lúc miền Bắc có trên 9,3 triệu người bị đói, trong đó 3 tỉnh này chiếm gần 30%, riêng Thanh Hóa có trên 1 triệu người thiếu lương thực trong nhiều tháng.

Trong những năm đổi mới, nhất là 5 năm đầu thế kỷ XXI, các địa phương trong vùng đã phát huy nội lực, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, tạo tiền đề và điều kiện, thực hiện khá tốt các chương trình xóa đói giảm nghèo.

1. Thực trạng xóa đói giảm nghèo vùng Bắc Trung Bộ

Theo báo cáo sơ kết chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm của Chính phủ (Chương trình 143), tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chuẩn quốc tế cả nước đã giảm (xem bảng).

Tuy tốc độ giảm nghèo của ba tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh chậm so với nhiều địa phương

khác, nhưng những kết quả đạt được của 3 tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh về xóa đói giảm nghèo trong 5 năm qua là rất đáng ghi nhận. Tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn mức chung của cả nước. Đó là thành công của ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực của từng địa phương, từng hộ gia đình, từng doanh nghiệp, các tổ chức xã hội dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp ủy và chính quyền. Kết quả đó còn là thành công của các chương trình, dự án quốc gia và quốc tế do Trung ương hỗ trợ bằng nhiều hình thức để phát triển kinh tế - xã hội và xóa đói giảm nghèo bền vững. Năm năm qua các chương trình 143, 134, 135, trồng 5 triệu héc-ta rừng, 773, kiên cố hóa kênh mương, xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng nông thôn, nước sạch nông thôn, phát triển y tế xã, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư,... đều đã góp phần tích cực vào kết quả và thành công của chương trình xóa đói giảm nghèo ở Thanh - Nghệ - Tĩnh. Sự kết hợp giữa nội lực và ngoại lực một cách hài hòa và hiệu quả là một trong những yếu tố tạo nên thành công về xóa đói giảm nghèo ở 3 tỉnh này.

Bảng: Tỷ lệ nghèo đói cả nước và Thanh - Nghệ - Tĩnh (đơn vị tính %)

Giai đoạn	Cả nước	Thanh Hóa	Nghệ An	Hà Tĩnh
1997 - 1998	37,4	19,0	18,1	19,0
2001 - 2002	28,9	15,4	14,3	17,0
2003 - 2004	24,1	11,9	9,6	12,0
2005	17,0	10,5	8,4	12,0

Nguồn: Số liệu của Tổng cục Thống kê

* Tổng cục Thống kê

Không chỉ giảm tỷ lệ hộ nghèo mà mức nghèo ở nông thôn cũng đã giảm nhiều so với các năm trước. Tình trạng thiếu đói giáp hạt những năm gần đây đã giảm xuống dưới 2%. Trong 3 năm 2003 - 2005, dù ảnh hưởng của dịch cúm gia cầm, thiên tai dồn dập trên diện rộng, nhất là bão số 6, số 7 năm 2005 tàn phá nặng nề, nhưng sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản vẫn đạt kết quả khá nên thu nhập và đời sống dân cư nông thôn được về cơ bản vẫn bảo đảm, số hộ, số khẩu thiếu đói không tăng nhiều so với các năm trước. Thiên tai năm 2005 gây thiệt hại hàng chục vạn tấn thóc (Thanh Hóa giảm 81 nghìn tấn, Nghệ An giảm 57 nghìn tấn, Hà Tĩnh giảm 24,5 nghìn tấn), hàng chục nghìn héct-a diện tích nuôi trồng thủy sản ven biển, trong đồng, vậy mà sau bão tình hình lương thực, thực phẩm của 3 tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh về cơ bản vẫn ổn định. Các huyện Hậu Lộc, Hoàng Hóa, Nga Sơn, Tĩnh Gia, Quảng Xương (Thanh Hóa), Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Nghi Lộc (Nghệ An), Nghi Xuân, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh (Hà Tĩnh) bị thiệt hại nặng nề, nhưng không để xảy ra nạn đói, dịch bệnh. Được sự quan tâm của Chính phủ, sự hỗ trợ của đồng bào cả nước và nhất là sự nỗ lực chủ quan của chính quyền và nhân dân địa phương nên tình hình sản xuất và đời sống dân cư không có biến động lớn. Số hộ, số khẩu nghèo thiếu ăn sau bão (tính đến tháng 11-2005) của 3 tỉnh tuy có tăng so với cùng kỳ năm 2004 nhưng cũng chỉ chiếm tỷ lệ trên - dưới 1,2% số hộ và khoảng 1% số khẩu nông nghiệp (cả nước là 0,7% số hộ và 0,6% số khẩu nông nghiệp). Thực tế đó cho thấy, nạn thiếu đói thường xảy ra và kéo dài sau mùa bão lụt lớn ở khu vực nông thôn Thanh - Nghệ - Tĩnh như những năm trước đây về cơ bản đã được khắc phục. Tình trạng thiếu lương thực trong các hộ nghèo cũng chỉ diễn ra trên diện hẹp và thời gian ngắn, chủ yếu là những hộ neo đơn, già cả, tàn tật và những vùng bị thiên tai,

lũ lụt nặng, nhà đổ hoặc tài sản bị trôi. Trong bối cảnh khó khăn của năm 2004 và 2005, nhưng chương trình xóa đói giảm nghèo vẫn tiếp tục triển khai và đạt kết quả tốt. Tính chung 5 năm (2001 - 2005), 3 tỉnh đã cơ bản xóa hộ đói và giảm hộ nghèo với tốc độ trung bình 1,5%/năm và xu hướng tái nghèo ở nông thôn đang được hạn chế và giảm dần.

Trong kết quả chung xóa đói giảm nghèo đã đạt được của cả 3 tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh đã xuất hiện nhiều điển hình vượt khó, vươn lên thoát nghèo, làm giàu chính đáng có thể coi là mô hình tốt cần tổng kết nhân rộng. Đó là mô hình nông - lâm kết hợp, phát triển kinh tế gỗ, đồi ở các huyện miền núi, trung du; mô hình kinh tế trang trại nuôi trồng thủy sản ven biển; phát triển ngành nghề, dịch vụ ở cả thành thị và nông thôn; chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi trong nông nghiệp... Dưới đây là một số mô hình tiêu biểu về xóa đói giảm nghèo ở các huyện nghèo của Thanh - Nghệ - Tĩnh trong 5 năm qua:

- Ở Thanh Hóa, mô hình xóa đói giảm nghèo và làm giàu bằng phương thức kết hợp nông nghiệp với phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống và dịch vụ để tạo việc làm và tăng thu nhập ở nông thôn. Nga Sơn là huyện ven biển, có lợi thế về trồng cói và nuôi trồng thủy sản. Năm năm qua, các xã trong huyện đã tập trung khai thác lợi thế này để phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng thu nhập của hộ nông dân. Đến 2005, tỷ lệ hộ và lao động ngành nghề và dịch vụ phi nông nghiệp đã chiếm gần 50% tổng số hộ và lao động nông thôn toàn huyện. Sản phẩm ngành nghề rất đa dạng: thảm cói, quạt, chiếu cói. Các mặt hàng sản xuất từ đây, cói không chỉ bán trong nước, mà còn xuất khẩu sang Trung Quốc với kim ngạch hàng triệu USD/năm. Hoạt động nuôi trồng

và khai thác thủy sản phát triển. Phong trào thâm canh cao và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi được thực hiện theo quy hoạch và kế hoạch ổn định nên thu nhập từ nông nghiệp tăng nhanh và khá vững. Những khởi sắc trong sản xuất và dịch vụ đã góp phần tích cực vào chương trình xóa đói giảm nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo của huyện giảm nhanh: từ 22% năm 2000 xuống còn 12,65% năm 2003 và ước còn dưới 10% năm 2005 dù có bị thiệt hại lớn do bão số 6,7, trở thành huyện có tốc độ xóa đói giảm nghèo nhanh nhất trong các huyện đồng bằng ven biển của Thanh Hóa. Các huyện miền núi nhờ thực hiện chương trình 134, 135, trồng mới 5 triệu héc-ta rừng có kết quả nên tốc độ xóa đói giảm nghèo khá nhanh, trong đó huyện Thường Xuân giảm tỷ lệ đói nghèo từ 65,6% năm 2000 xuống 49,1% năm 2004; Mường Lát: từ 57,3% xuống còn 39,9%; Quan Hóa: từ 38,9% xuống 26,6% trong thời gian tương ứng... Nhờ có các chương trình đó nên nhiều xã miền núi đã phát huy nội lực, khai thác tiềm năng đất đai, rừng và hệ sinh thái cây trồng, vật nuôi thông qua các mô hình nông - lâm kết hợp, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo.

Ở Nghệ An nhiều mô hình tiêu biểu về xóa đói giảm nghèo cho từng vùng: đồng bằng ven biển, trung du và miền núi. Thanh Chương là một huyện thuần nông nghèo ở vùng trung du nên giải pháp xóa đói giảm nghèo của huyện này 5 năm qua là chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nông - lâm kết hợp, đa dạng hóa ngành nghề. Là huyện trung du có lợi thế về đồng cỏ, rất thuận lợi cho chăn nuôi đại gia súc, nên huyện đã triển khai rộng rãi chương trình sin hóa đàn bò. Kết quả là năm 2004 đã có 27,5% đàn bò của huyện được sin hóa, thể mạnh về đất đồi trung du được khai thác hợp lý để tăng tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu nông nghiệp. Song song với phát triển nông nghiệp truyền thống, phong trào nuôi cá vụ đông trên ruộng lúa được nhân rộng và đem lại kết quả

khá. Toàn huyện có 326 ha mặt nước ruộng lúa được nuôi cá và sản lượng đạt khá, góp phần xóa thế độc canh. Các điển hình về xóa đói giảm nghèo bằng xây dựng trại vườn, nông - lâm kết hợp ngày càng nhiều, các ngành nghề thủ công phát triển, tạo việc làm mới, tăng thu nhập cho nông dân. Điển hình là các xã Thanh Tường, Thanh Lĩnh, Thanh Đồng...

Để phát triển sản xuất và xóa đói giảm nghèo bền vững, Hội Nông dân huyện Thanh Chương đã phối hợp với chính quyền các cấp và Ngân hàng Chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân, nhất là các hộ nghèo vay vốn. Năm 2002, toàn huyện có 18.656 lượt hộ nông dân được vay vốn ngân hàng gần 31 tỉ đồng là kết quả cụ thể. Các năm 2003 - 2005, số hộ nghèo được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách tăng dần, tạo điều kiện cho các hộ nghèo mua bò, lợn phát triển chăn nuôi, tăng thu nhập, xóa được đói, giảm được nghèo.

Ở Hà Tĩnh có Kỳ Anh là một huyện nghèo vào loại bậc nhất của tỉnh những năm 80 - 90 của thế kỷ XX. Giai đoạn 2001 - 2005 nhất là 3 năm 2003 - 2005 huyện đã được Trung ương và tỉnh hỗ trợ thông qua các chương trình quốc gia và quốc tế, đảng bộ và nhân dân trong huyện đã từng bước vươn lên xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế nông - lâm - ngư kết hợp trên 4 vùng sinh thái để thoát nghèo và đã thành công. Sau 5 năm phấn đấu liên tục, không mệt mỏi, đảng bộ và nhân dân Kỳ Anh đã tích cực thực hiện chủ trương xóa đói giảm nghèo bằng con đường chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới vào sản xuất nông - lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Thông qua sự hỗ trợ của các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo của Trung ương và của tỉnh, các tổ chức quốc tế, sản xuất nông nghiệp và nông thôn vùng đất khô cằn, nghèo đói xưa kia đã biến thành vùng kinh tế năng động của tỉnh Hà Tĩnh. Những năm gần đây Kỳ Anh không chỉ đủ lúa gạo cho

các nhu cầu tiêu dùng trong huyện mà còn dư thừa các mặt hàng nông sản để xuất khẩu như lạc, rau quả, hạt tiêu, thủy sản, lâm sản... Mô hình thâm canh lúa cao sản ở Kỳ Bắc, Kỳ Xuân, Kỳ Giang đã đưa sản lượng lúa gấp 3 lần so với những năm 90 của thế kỷ XX. Mô hình trồng lạc cao sản ở vùng đất khô cằn 3.500 ha, sản lượng 5.000 tấn/năm; mô hình kinh tế trang trại vườn rừng với 300 trang trại trồng cây ăn quả, tiêu, dó trầm, chăn nuôi trâu bò đàn ở vùng đồi trung du. Mô hình nuôi trồng thủy sản ở vùng III, trong đó có hàng nghìn héc-ta nuôi tôm, nhiều hộ nuôi tôm trên cát đạt năng suất 3 - 4 tấn/ha, có sản phẩm xuất khẩu. Nét mới ở Kỳ Anh là các mô hình phát triển kinh tế nông thôn và xóa đói giảm nghèo không dừng lại ở nông, lâm nghiệp, thủy sản, mà đã vươn tới phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ để từ đó tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho hộ nông dân. Cảng Vũng Áng, khu công nghiệp Vũng Áng, liên doanh Việt - Nhật sản xuất ván dăm gỗ xuất khẩu với công suất 190 nghìn tấn/năm, nhà máy chế biến rau quả, chế biến lâm sản Cheng Linh, Khu liên hợp cán thép nóng, đóng tàu... đã và đang đi vào sản xuất. Các cơ sở đó cùng với thị trấn Kỳ Anh đã và đang tạo thành vùng kinh tế công nghiệp - dịch vụ sôi động gắn với nông nghiệp, nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế của huyện. Đến năm 2005 toàn huyện có trên 150 km đường nhựa hóa, 125 km kênh mương cứng, 100% xã có điện, 100% trạm y tế có đủ giường bệnh, 100% nhà ở nông thôn được ngói hóa, 10/31 xã có trung tâm giáo dục cộng đồng để trao đổi kinh nghiệm làm ăn và trình diễn các mô hình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư. Nhờ đó kinh tế phát triển, thu nhập và đời sống nông dân được cải thiện, chương trình xóa đói giảm nghèo đạt được những kết quả đáng khích lệ. Năm 2003, tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện, chủ yếu là vùng nông thôn chỉ còn 20%,

năm 2005 ước chỉ còn 15% mặc dầu Kỳ Anh vừa chịu thiệt hại khá nặng về nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản do 3 cơn bão 6, 7, 8 và mưa lớn gây ra trong 2 tháng 9 và 10. Tốc độ xóa đói giảm nghèo của huyện trong 5 năm qua đạt trung bình trên 2%/năm.

○ Các mô hình và điển hình tiên tiến về xóa đói, giảm nghèo ở vùng nông thôn 3 tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh đều có khó khăn chung là thiếu vốn, thiếu kiến thức khoa học - kỹ thuật, thiếu kinh nghiệm sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường, nên tốc độ thoát nghèo còn chậm... Nhận thức được thực trạng này, những năm qua chính quyền và các ngành, các đoàn thể địa phương đã đề xuất giải pháp xóa đói giảm nghèo bằng sự kết hợp giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách với sự tham gia của Hội Nông dân để giải quyết vốn cho các hộ nông dân vay phát triển sản xuất, mở rộng khuyến nông, khuyến lâm và khuyến ngư. Qua 5 năm thực hiện chương trình này, nhiều hộ nghèo đã hiểu thêm cách làm ăn mới, từ bỏ lối sản xuất nhỏ độc canh cây lúa năng suất thấp, mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng gắn sản xuất với tiêu thụ. Nhờ đó, hầu hết các hộ nghèo được vay vốn ưu đãi, được hướng dẫn kỹ thuật canh tác mới, làm ăn có hiệu quả và xóa được đói, giảm được nghèo, từ đó trả được nợ ngân hàng. Vai trò của Hội Nông dân các cấp có vị trí đặc biệt quan trọng trong vận động và giúp đỡ hướng dẫn các hộ nghèo sử dụng vốn vay đúng mục đích, đạt hiệu quả tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo và nhiều hộ vươn lên làm giàu trên vùng đất khô cằn, đất dốc, đất chua mặn ven biển. Từ năm 2002, thực hiện Quyết định 80/2002/TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiêu thụ nông sản hàng hóa theo hợp đồng, các hộ nông dân trong huyện đã được các doanh nghiệp kinh doanh hàng nông lâm thủy sản ký kết hợp đồng đầu tư ứng trước và bao tiêu sản phẩm một số nông sản chủ yếu. Nhiều

sản phẩm chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, trong đó có sản phẩm của chương trình xóa đói giảm nghèo có đầu ra ổn định, thu nhập và đời sống của các hộ nghèo tăng lên. Sau 3 năm sản xuất hàng hóa của 3 tỉnh nói chung, của các hộ nghèo nói riêng, đều có bước phát triển theo hướng gắn sản xuất với thị trường.

Do lợi thế có rừng, có biển, có đồng bằng và hệ thống đường giao thông thuận lợi, có các trung tâm thương mại và công nghiệp lớn nên Thanh - Nghệ - Tĩnh phát triển nhanh các hình thức tổ chức sản xuất hàng hóa. Tính chung ở 3 tỉnh, năm 2005 có gần 3.000 trang trại (có hơn 1.000 trang trại nuôi trồng thủy sản), thu hút 16,5 nghìn lao động, trong đó có 9 nghìn lao động của các hộ nghèo làm thuê thời vụ cho các chủ trang trại với thu nhập ổn định. Nhờ đó nhiều hộ nghèo có công ăn, việc làm, tăng thu nhập và từng bước thoát nghèo, vươn lên làm giàu. Nhiều chủ trang trại nuôi tôm, lâm nghiệp vùng này và các chủ trang trại lâm nghiệp vùng miền núi, đồi rừng thuộc 3 tỉnh trên hiện nay, vốn xuất thân từ các hộ nghèo nhiều năm trước đây. Đối với các hộ nghèo, kinh tế trang trại không chỉ tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập mà quan trọng hơn là nơi họ tiếp cận với phương thức sản xuất nông nghiệp hàng hóa, là trường học của các hộ nghèo có chí hướng vươn lên làm giàu.

Từ thực tế những kết quả đạt được trong công tác xóa đói giảm nghèo của Thanh - Nghệ - Tĩnh trong những năm đổi mới, nhất là 5 năm 2001 - 2005 có thể rút ra nhiều bài học kinh nghiệm, tổng kết nhiều mô hình và điển hình mới có hiệu quả để nhân rộng.

2. Những giải pháp về xóa đói giảm nghèo

Một là: Tập trung mọi nguồn lực của Trung ương, của địa phương, của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế, quốc gia, tạo tiền đề và điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong từng tỉnh, từng huyện với tốc độ cao hơn, vững chắc hơn để

từng bước thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo theo hướng bền vững. Trọng tâm của phát triển kinh tế theo hướng gắn nông thôn với thành thị, nông - lâm - ngư nghiệp hàng hóa với công nghiệp và dịch vụ, chú trọng chế biến nông - lâm - thủy sản để tăng giá trị và hiệu quả kinh tế, tạo thêm việc làm mới, tăng sản phẩm xã hội, tăng thu nhập cho dân cư, nhất là dân nghèo. Đối với khu vực nông thôn, không thể xóa đói giảm nghèo chỉ bằng các dự án của Nhà nước, mà phải phát huy nguồn lực tại địa phương là chính, xóa dần thể độc canh, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, phát triển mạnh ngành nghề và dịch vụ phi nông nghiệp. Khôi phục các làng nghề truyền thống, mở mang các nghề mới để tạo thêm việc làm mới, tăng thu nhập, cải thiện đời sống.

Hai là: Trong tổ chức chỉ đạo và thực hiện các chương trình quốc gia và quốc tế về kinh tế - xã hội, các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương và cơ sở cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn lồng ghép hợp lý hơn nhằm tăng hiệu quả của từng đồng vốn. Khắc phục bằng được tư tưởng thành tích, đầu tư theo phong trào, hiệu quả thấp, hiện tượng tái nghèo trong nông thôn, nhất là các huyện miền núi.

Ba là: Tăng cường vai trò của Nhà nước trong công tác xóa đói giảm nghèo, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tăng vốn đầu tư cho các chương trình, dự án đối với vùng Bắc Trung Bộ, nhất là các xã vùng III, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Làm tốt quản lý nhà nước đầu tư chiều sâu sẽ khơi dậy tiềm lực tại chỗ để phát triển kinh tế - xã hội toàn vùng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bốn là: Tổng kết, nhân rộng các mô hình xóa đói giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế bền vững, có hiệu quả trong vùng phù hợp với điều kiện của từng địa phương, từng dân tộc và đặc điểm tự nhiên của từng vùng sinh thái. Trong công tác tổ chức và chỉ đạo chương trình xóa đói giảm nghèo cần đặc biệt quan tâm các

huyện miền núi cao, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, các xã thuộc Chương trình 135.

Năm là: Tiếp tục nghiên cứu ban hành các chính sách có tính đột phá nhằm tạo động lực cho phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo theo hướng:

- Tăng đầu tư cho nông nghiệp và kinh tế nông thôn trong nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cả trung ương và địa phương. Trong cơ cấu đầu tư cần dành tỷ lệ hợp lý cho nội dung xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn miền núi, vùng sâu, vùng xa, dạy nghề cho nông dân bao gồm đào tạo nghề mới, đào tạo lại, bồi dưỡng ngắn hạn kiến thức và kinh nghiệm làm ăn bằng các ngành nghề nông nghiệp và công nghiệp dịch vụ. Ưu tiên đào tạo nâng cao dân trí và trình độ nghề nghiệp của các hộ nghèo. Tăng cường đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi lớn, nhất là các hồ chứa đại thủy nông giữ nước mùa mưa, chống hạn mùa khô, tiến tới chủ động tưới tiêu, từng bước bê-tông hóa hệ thống đê biển, đê sông, trồng rừng phòng hộ để tăng khả năng phòng chống thiên tai, nhất là bão lũ, hạn hán, gió mùa Tây - Nam.

- Thực hiện giải pháp "kích cầu" bằng các chính sách "khoan sức dân" ở nông thôn. Trước mắt, từ năm 2006, Nhà nước cần miễn các loại phí và lệ phí đối với tất cả các hộ nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và diêm nghiệp, đồng thời hỗ trợ các hộ nghèo, xã nghèo, vùng nghèo vay vốn phát triển sản xuất, dịch vụ và chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, lao động theo hướng sản xuất hàng hóa.

- Các tỉnh vùng bắc Trung Bộ cần có cơ chế, chính sách và giải pháp khả thi thu hút nhân tài, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đến làm việc lâu dài, đầu tư vốn, khoa học - công nghệ vào địa phương, coi đó là "chìa khóa" để phát triển sản xuất và mở rộng dịch vụ, tạo thêm việc làm mới, tăng thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân. □

CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG...

(Tiếp theo trang 53)

kiên định mục tiêu độc lập, dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; củng cố và phát triển nền tảng tư tưởng, lý luận Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Tích cực, chủ động nghiên cứu xây dựng hoàn thiện hệ thống lý luận về công tác biên phòng trong thời kỳ hội nhập và toàn cầu hóa kinh tế.

- Giữ vững và không ngừng tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội và Bộ đội Biên phòng. Nâng cao sức mạnh chiến đấu và khả năng ứng phó với mọi tình huống xảy ra trên biên giới, vùng biển đảo, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới quốc gia. Kiên quyết đấu tranh chống những quan điểm sai trái, âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình", "phi chính trị hóa quân đội" của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch. Bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, lòng trung thành với Đảng, Tổ quốc, và nhân dân; phát huy tinh thần tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo, khắc phục khó khăn, chủ động giải quyết tốt các tình huống, sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao cho. Bồi dưỡng và phát huy tốt phẩm chất tốt đẹp của "Bộ đội Cụ Hồ" và truyền thống vẻ vang của Bộ đội Biên phòng.

- Tổ chức quán triệt sâu sắc đường lối đổi mới của Đảng, yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia và xây dựng Bộ đội Biên phòng trong thời kỳ mới. Tích cực nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ, từng bước tin học hóa, hiện đại hóa công tác biên phòng phục vụ tốt sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Tăng cường chỉ đạo sâu sát công tác tổng kết rút kinh nghiệm trên tất cả các mặt như: lý luận chính trị tư tưởng, lý luận nghiệp vụ, lý luận tổ chức..., góp phần bổ sung, làm phong phú hơn kho tàng lý luận, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới trong giai đoạn mới. □